

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hà Giang.
- Thư ký phiên họp: Bà Hồ Thị Quyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên họp: Bà **Hà Thị Phương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, về yêu cầu “Tranh chấp về nuôi con sau khi hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên họp số 01/TB-TA ngày 17 tháng 9 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Trần Duy K - sinh năm 1984
Trú tại: Số A - Ấp G – xã T – huyện V – thành phố Cần Thơ.

(Ông K vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị D - sinh năm 1991

Trú tại: Thôn B – xã M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(Bà D vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Ông Trần Duy K yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Duy K và bà Dương Thị D.

Về con chung: Ông Trần Duy K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Ngọc Yên N – sinh ngày: 04/10/2009; Trần Ngọc Quỳnh N1 – sinh ngày 11/07/2012 và yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đ/hai con (1.000.000đ/ 01 con) cho đến khi các con chung lần lượt đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Ông K và bà D không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông K và bà D không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Toà án nhân dân huyện Đ nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Trần Duy K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Duy K và bà Dương Thị D và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung sau khi hủy kết hôn trái pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý vụ án hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thống nhất được với nhau về con chung sau khi hủy kết hôn trái pháp luật và yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận của các đương sự đồng thời người yêu cầu ông Trần Duy K có đơn chọn Tòa án nơi cư trú của bị đơn bà Dương Thị D để yêu cầu giải quyết việc dân sự hủy kết hôn trái pháp luật. Do vậy, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông Trần Duy K:

- Về nội dung vụ việc: Ngày 13/8/2007, ông Trần Duy K và bà Dương Thị D đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 101/KH, quyển số 01/2007. Sau một thời gian chung sống giữa ông K và bà D xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên ông K đã yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng N1 lời khai của các đương sự cho thấy rằng trên giấy chứng nhận kết hôn số 101/KH, quyển số 01/2007 ngày 13/8/2007 thể hiện bà D sinh ngày 02/5/1988 nhưng trên các giấy tờ tùy thân thể hiện bà D sinh ngày 02/5/1991. Cụ thể, tại giấy chứng

minh nhân dân của bà Dương Thị D được Công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2007 thì Bà Dương Thị D sinh ngày 02/5/1991; tại Căn cước công dân số 068191000365 cấp ngày 27/02/2017 thì bà Dương Thị D sinh ngày 02/5/1991 và trên các giấy tờ có liên quan khác như giấy khai sinh của 02 con chung Trần Ngọc Yến N, Trần Ngọc Quỳnh N1; sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ ông Trần Phúc L và sổ hộ khẩu gia đình mang tên Dương Thị Thanh N2 thể hiện bà Dương Thị D sinh năm 1991. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thừa nhận tại thời điểm đăng ký kết hôn cả ông K và bà D đều biết bà D chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng do yêu nhau và có nguyện vọng được chung sống với nhau nên cả hai đã khai sai lý lịch để được đăng ký kết hôn. Do vậy, việc đăng ký kết hôn trên của ông Trần Duy K và bà Dương Thị D đã vi phạm quy định về điều kiện đăng ký kết hôn tại khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân gia đình. Cho nên, ông Trần Duy K yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 10 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

+ Kể từ khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật, ông Trần Duy K và bà Dương Thị D phải chấm dứt quan hệ là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Trần Duy K và bà Dương Thị D có 02 con chung là Trần Ngọc Yến N – sinh ngày: 04/10/2009; Trần Ngọc Quỳnh N1 – sinh ngày 11/07/2012. Xét yêu cầu của ông K và bà D cũng như nguyện vọng của con chung Trần Ngọc Yến N giao 02 con chung Trần Ngọc Yến N và Trần Ngọc Quỳnh N1 cho ông Trần Duy K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của ông K và sự thỏa thuận giữa ông K và bà D thì các bên thống nhất bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đ/02con (Mỗi con là 1.000.000đ/tháng) cho đến khi hai con chung đủ tuổi thành niên. Yêu cầu và sự thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 12 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về tài sản chung: Ông Trần Duy K và bà Dương Thị D xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

+ Về công nợ chung: Ông Trần Duy K và bà Dương Thị D xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, người yêu cầu và

các đương sự khác kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên họp đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ việc: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng N1 lời khai của các đương sự đều thống nhất ngày 13/8/2007 ông K và bà D tiến hành đăng ký kết hôn bà D mới 16 tuổi 03 tháng chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Duy K và bà Dương Thị D; Về con chung: Ông Trần Duy K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trần Ngọc Yến N – sinh ngày: 04/10/2009; Trần Ngọc Quỳnh N1 – sinh ngày 11/07/2012 cho đến tuổi thành niên và yêu cầu bà Dương Thị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đ (Mỗi con là 1.000.000đ/tháng) cho đến khi hai con chung đủ tuổi thành niên. Các bên đã thống nhất giao 02 con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng cũng như nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi Trần Ngọc Yến N và bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đ (Mỗi con là 1.000.000đ/tháng) cho đến khi hai con chung đủ tuổi thành niên phù hợp với quy định tại Điều 12 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu trên của các đương sự. Về tài sản chung và công nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

[2] Về lệ phí: Ông Trần Duy K phải chịu 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Bà Dương Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho đến khi con chung thành niên nên bà D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40, khoản 2 Điều 146, Điều 149, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, 10, 11, 12, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 6 Điều 27, Điều 37 danh mục lệ phí Tòa án của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Trần Duy K: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Duy K và bà Dương Thị D theo giấy chứng nhận kết hôn số 101/KH, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/8/2007.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Ông Trần Duy K và bà Dương Thị D phải chấp dứt quan hệ là vợ chồng kể từ khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Ngọc Yên N – sinh ngày: 04/10/2009; Trần Ngọc Quỳnh N1 – sinh ngày 11/07/2012 cho ông Trần Duy K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên.

Bà Dương Thị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đ (Mỗi con là 1.000.000đ/tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ tuổi thành niên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Ông Trần Duy K phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) ông K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007539 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, ông K đã nộp đủ lệ phí.

Bà Dương Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (*mười*) ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ
- UBND thị trấn M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(*Đã ký tên và đóng dấu*)

Nguyễn Thị Hà Giang